TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 46/2023/HS-PT Ngày: 14-8-2023	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đê

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Ái Loan

Bà Ngô Thị Kim Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2023/TLPT-HS, ngày 05 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị N do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2023/HS-ST, ngày 27-4-2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Thị N, sinh năm 1972 tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn X, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1951; bị cáo có chồng tên Trần Văn K và có 02 người con; tiền án: Có 01 tiền án vào ngày 22/6/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xử hình phạt chính là phạt tiền, số tiền phạt bằng 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) về tội "Đánh bạc", bị cáo chưa chấp hành xong; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/01/2023 cho đến nay (có mặt).

Bị hại: Bà Võ Thị K1, sinh năm 1957 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án phúc thẩm không triệu tập tham dự phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 29/10/2022, bị cáo điều khiển xe mô tô (Trong yên xe mô tô bị cáo để một con dao Thái Lan, có cán nhựa màu vàng) từ nhà của bị

cáo thuộc ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh đi đến nhà của bà Phạm Thị N1 (T thường gọi bà Bảy T1), thuộc ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, để cắt lá cây đem về nấu nước xông. Khi đến nhà của bà N1, bị cáo lấy dao từ trong yên xe ra và cắt lá cây; đồng thời, bị cáo thấy bà N1 đang đốn củi nên hỏi bà N1 về việc bà N1 chưa đưa đủ tiền bị cáo môi giới cho bà N1 chuyển nhượng đất thì bà N1 trả lời số tiền còn lại 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), bà Võ Thị K1 đã nhận từ bà N1 để khấu trừ vào khoản nợ bị cáo còn thiếu nợ bà K1. Lúc này, bị cáo và bà N1 xảy ra cự cải với nhau, bà N1 bỏ con dao đang đốn củi, đi vào trong nhà gọi điện thoại cho bà K1. Khi bà K1 điều khiển xe mô tô đến nhà của bà N1, thì bị cáo và bà K1 xảy ra cự cải với nhau, bị cáo nhặt lấy con dao của bà N1 rượt đuổi bà K1, bà K1 bỏ chạy vào trong căn nhà của bà N1. Sau đó, bị cáo bỏ lại con dao và điều khiển xe mô tô đi về nhà, nhưng khi đi được một đoạn đường thì bị cáo nhìn thấy lá cây bị cáo cắt dùng để xông còn ít nên bị cáo điều khiển xe mô tô quay trở lại nhà bà N1 cắt thêm. Khi bị cáo đến nhà bà N1, thì thấy bà K1 bước từ trong căn nhà của bà N1 đi ra ngoài; bị cáo và bà K1 tiếp tục cự cải với nhau, sau đó bị cáo đến mở yên xe lấy con dao Thái Lan chạy đến nơi bà K1 đang đứng thì bà K1 tiếp tục bỏ chạy vào trong căn nhà của bà N1, nhưng đến vị trí thềm nhà của bà N1 thì bà K1 bị vấp ngã. Bị cáo chạy đến và dùng con dao Thái Lan đang cầm trên tay đâm bà K1. Do bà K1 dùng tay đỡ nên lưỡi dao của bị cáo trúng vào cổ tay, mặt lòng bàn tay trái của bà K1. Sau đó, được mọi người can ngăn, còn bà K1 đi đến Bệnh viện T2 điều trị vết thương.

Tại Bản giám định Pháp y về thương tích số 197/22/TgT, ngày 05/12/2022 của Trung tâm giám định Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh T kết luận tỷ lệ thương tích của bà Võ Thị K1 là 2%. Cơ chế hình thành vết thương là do ngoại lực tác động trực tiếp. Vật gây ra thương tích là vật cứng có cạnh sắc, hướng từ trên xuống. Con dao là mẫu vật gửi giám định có thể gây ra thương tích ở vùng cổ tay, mặt lòng bàn tay trái của bà K1.

Ngày 31 tháng 10 năm 2022, bà K1 làm đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2023/HS-ST, ngày 27-4-2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, về bồi thường trách nhiệm dân sự, về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, bị cáo Nguyễn Thị N làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, xin được hưởng án treo.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, bị hại Võ Thị K1 làm đơn xin bãi nại và đơn xin rút yêu cầu khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với bị cáo Nguyễn Thị N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị N thừa nhận: Bị cáo đã có hành vi dùng con dao Thái Lan gây thương tích cho bà K1 vào vùng cổ tay, mặt lòng bàn tay trái, đúng như nội dung Kết luận điều tra, nội dung Cáo trạng và nội dung Bản án sơ thẩm. Bị cáo thống nhất với quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội "Cố ý gây thương tích" là đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện, không oan, không sai. Bị cáo không khiếu nại về hành vi tố tụng của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, không khiếu nại các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm. Bị cáo chỉ kháng cáo xin được hưởng án treo, đồng thời bị cáo giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Võ Thị K1 khai: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại đã làm đơn xin bãi nại và đơn xin rút yêu cầu khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với bị cáo N. Bị hại giữ nguyên việc rút đơn yêu cầu khởi tố vụ án.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Xét thấy, sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại làm đơn xin rút yêu cầu khởi tố vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại giữ nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi tố vụ án, đây là sự tự nguyện của bị hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 155, điểm d khoản 1 Điều 355 và Điều 359 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thị N: Bị cáo không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị N thừa nhận: Sau khi bị cáo cự cải với bị hại, bị cáo đi đến nơi đỗ xe mô tô và mở yên xe, lấy con dao Thái Lan rượt đuổi bị hại. Khi bị hại chạy đến vị trí thềm nhà của bà N thì bị té ngã, bị cáo chạy đến và dùng con dao Thái Lan đang cầm trên tay đâm bị hại, nhưng do bị hại dùng tay đỡ nên phần lưỡi dao gây thương tích cho bị hại vào mặt lòng bàn tay, cổ tay trái của bị hại, đúng như nội dung Bản án sơ thẩm. Bị cáo thừa nhận Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội "Cố ý gây thương tích" là đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện đối với bị hại. Bị cáo chỉ kháng cáo xin hưởng án treo.

[2] Xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm; phù hợp với lời khai của bị hại; phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Trước khi bị cáo thực hiện hành vi dùng con dao Thái Lan gây thương tích cho bị hại, thì vào ngày 22/6/2020 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử về tội "Đánh bạc", xử phạt chính là phạt tiền, số tiền phạt là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt của Bản án trước đó. Cho nên, Tòa án sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 (Chín) tháng tù, không cho bị cáo hưởng án treo là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo, là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Tuy nhiên, theo Kết luận giám định Pháp y số 197/22/TgT, ngày 05/12/2022 của Trung tâm giám định Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh T, kết luận tỷ lệ thương tích của bị hại là 2% (Dưới 11%). Vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại, theo quy định tại khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày

24/5/2023 bị hại làm đơn xin bãi nại và đơn đề nghị rút yêu cầu khởi tố vụ án, khởi tố bị can (BL 264, 265). Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại xác định và khẳng định việc rút yêu cầu khởi tố vụ án là sự tự nguyện, không bị ép buộc, cưỡng bức. Theo khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định *"Trường hợp người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu thì vụ án phải được đình chỉ, trừ trường hợp có căn cứ xác định người đã yêu cầu rút yêu cầu khởi tố trái với ý muốn của họ do ép buộc, cưỡng bức thì tuy người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án vẫn tiếp tục tiến hành tố tụng đối với vụ án"*.

[4] Xét thấy, quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Tố tụng hình sự không giới hạn thời điểm rút yêu cầu khởi tố vụ án của bị hại và là nhằm thể hiện sự tôn trọng ý chí của người bị hại. Và theo nội dung Công văn số 254/TANDTC-PC, ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc người đã yêu cầu khởi tố vụ án hình sự rút yêu cầu theo quy định tại Điều 155 của Bộ luật Tố tụng hình sự *"Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm: Trường hợp có kháng cáo, kháng nghị mà tại giai đoạn xét xử phúc thẩm người đã yêu cầu khởi tố vụ án hình sự rút yêu cầu thì Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 155 và Điều 359 của Bộ luật Tố tụng hình sự hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án..."*. Đối chiếu nội dung đơn đề nghị rút yêu cầu khởi tố vụ án, khởi tố bị can của bị hại và lời khai của bị hại tại phiên tòa phúc thẩm, với quy định của pháp luật đã viện dẫn, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 155, điểm d khoản 1 Điều 355 và Điều 359 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

[5] Hậu quả của việc đình chỉ vụ án: Việc Tòa án phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án, là do bị hại rút yêu cầu khởi tố vụ án, không phải do lỗi của Tòa án sơ thẩm, nên bị cáo không có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại, đồng thời bị hại cũng không có quyền yêu cầu khởi tố lại vụ án.

[6] Xét thấy quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 155, điểm d khoản 1 Điều 355 và Điều 359 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án, là có căn cứ.

[7] Về án phí: Theo điểm b khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định *"Bị hại đã yêu cầu khởi tố phải chịu án phí hình sự sơ thẩm trong trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại, mà sau đó Tòa án tuyên bố bị cáo không có tội hoặc vụ án bị đình chỉ do người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự"*. Lẽ ra, phải buộc bị hại chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, nhưng bị hại là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị hại. Bị cáo Nguyễn Thị N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 155, điểm d khoản 1 Điều 355 và Điều 359 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2023/HS-ST, ngày 27-4-2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh và đình chỉ vụ án.

2. Hậu quả của việc đình chỉ vụ án: Việc Tòa án phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án, là do bị hại rút yêu cầu khởi tố vụ án, không phải do lỗi của Tòa án sơ thẩm, nên bị cáo không có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại, đồng thời bị hại cũng không có quyền yêu cầu khởi tố lại vụ án.

3. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị hại Võ Thị K1.

Bị cáo Nguyễn Thị N không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Châu Thành;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Châu Thành;
- Bị hại Võ Thị Khéo;
- Bị cáo Nguyễn Thị Nga;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đê